TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NH** **TỈNH N** ---------- SỐ:62/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC** *Nh, ngày 16 tháng 05 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn anh Phan Thanh T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã V, huyện Nh, tỉnh N.

Bị đơn chị Bùi Thị X, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã V, huyện Nh, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phan Thanh T và chị Bùi Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con chung: Anh Phan Thanh T và chị Bùi Thị X có một con chung là cháu Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 04/05/2016. Giao cháu Phan Thị

Quỳnh A cho anh Phan Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Tòa án ra Quyết định này cho đến khi cháu Phan Thị Quỳnh A đủ 18 tuổi, chị Bùi Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phan Thanh T. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm non để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.2 Về tài sản, công nợ chung: Anh T, chị X không yêu cầu giải quyết.

2.3 Về nghĩa vụ nộp án phí: Anh T nhận nộp án phí ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0003889, ngày 27/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nh. Trả lại cho anh T số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc